

Số: 28 /TB- STC

Hưng Yên, ngày 04 tháng 4 năm 2019

THÔNG BÁO

Về việc công khai số liệu và thuyết minh thu, chi ngân sách quý I năm 2019 của tỉnh Hưng Yên

1. Thực hiện thu ngân sách nhà nước

Tính đến hết ngày 31/3/2019, tổng thu NSNN trên địa bàn là 3.065 tỷ đồng, đạt 23,8% dự toán HĐND giao (bao gồm: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 852 tỷ đồng), cụ thể:

1.1. Thu nội địa.

Thu nội địa 2.213 tỷ đồng, đạt 23% dự toán HĐND giao. Nếu trừ thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, thu nội địa 1.664 tỷ đồng, đạt 20,7% dự toán giao.

Thu nội địa tính đến 31/3/2019, chưa đảm bảo tiến độ thực hiện dự toán, tiến độ các khoản thu không đồng đều; có 5/14 khoản thu, sắc thuế đạt từ 25% dự toán trở lên; còn lại 9/14 khoản thu, sắc thuế đạt dưới 25% dự toán, trong đó:

- Khu vực DNNN Trung ương: thu được 33 tỷ đồng, đạt 17,6% dự toán.
- Khu vực DNNN địa phương: thu được 12 tỷ đồng, đạt 38,5% dự toán
- Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài: thu được 421 tỷ đồng, đạt 20,6%
- Khu vực kinh tế NQD: thu được 709,8 tỷ đồng, đạt 19,6%
- Thuế Thu nhập cá nhân: thu được 231 tỷ đồng, đạt 27,8%
- Thu tiền sử dụng đất: thu được 549 tỷ đồng, đạt 36%
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: thu được 18 tỷ đồng, đạt 8% dự toán
- Thuế bảo vệ môi trường: thu được 74 tỷ đồng, đạt 15% so với dự toán.
- Lệ phí trước bạ: thu được 89 tỷ đồng, đạt 27% so với dự toán.
- Các khoản thu khác: Phí, lệ phí tính cân đối được 27 tỷ đồng, đạt 39% dự toán; Thu khác ngân sách tính cân đối được 27 tỷ đồng, đạt 20,7% so với dự toán; Thu cố định tại xã tính cân đối được 4,4 tỷ đồng, đạt 14,6% so với dự toán; Thu xổ số kiến thiết được 2,3 tỷ đồng, đạt 18% dự toán.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: thu được 852 tỷ đồng, đạt 25,8% dự toán (trong đó hoàn thuế GTGT 417 tỷ đồng)

2. Thực hiện chi ngân sách địa phương

Tính đến 31/3/2019, ngành tài chính đã tập trung triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp để thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ; Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, các

nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đạt dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung các nhiệm vụ chi ngân sách trong những tháng đầu năm đảm bảo tiến độ dự toán. Tổng chi NSNN tính đến 31/3/2019 đạt 2.658 tỷ đồng, đạt 28,9% kế hoạch giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 1.315 tỷ đồng, đạt 52,35% kế hoạch (bao gồm cả chi chuyển nguồn)

- Chi thường xuyên: 1.335 tỷ đồng, bằng 21% dự toán được giao.

Về công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản: tập trung thẩm định, thanh quyết toán các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành, nhập Tabmis cho những công trình trong kế hoạch tập trung của tỉnh. Hướng dẫn các đơn vị xử lý dứt điểm nợ đọng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Vậy, sở Tài chính thông báo công khai số liệu thu, chi quý 1 năm 2019.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Phòng Tin học – Thống kê (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLNS.



GIÁM ĐỐC

Lê Xuân Tiến

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 28 /STC-QLNS ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	TW giao	ĐP giao	Thực hiện	Tỷ lệ TH/DT ĐP giao
	Tổng thu NSNN trên địa bàn	12.570.000	12.865.000	3.065.244	23,8%
I	Tổng các khoản thu nội địa	9.270.000	9.565.000	2.212.773	23,1%
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	190.000	190.000	33.412	17,6%
	- Thuế giá trị gia tăng	177.000	177.000	32.495	18,4%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.000	12.000	687	5,7%
	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	230	23,0%
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Địa phương	32.000	32.000	12.330	38,5%
	- Thuế giá trị gia tăng	22.000	22.000	7.315	33,3%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.000	9.000	4.932	54,8%
	- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	83	8,3%
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.050.000	2.050.000	421.362	20,6%
	- Thuế giá trị gia tăng	774.000	774.000	145.106	18,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.250.000	1.250.000	268.551	21,5%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.000	1.000	205	
	- Thuế tài nguyên	25.000	25.000	7.500	30,0%
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	3.630.000	3.630.000	709.853	19,6%
	- Thuế giá trị gia tăng	1.680.000	1.680.000	347.317	20,7%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.188.000	1.188.000	174.386	14,7%
	- Thuế tiêu thụ ĐB hàng hoá, dịch vụ trong nước	750.000	750.000	186.065	24,8%
	- Thuế tài nguyên	12.000	12.000	2.085	17,4%
5	Lệ phí trước bạ	330.000	330.000	89.242	27,0%
6	Thuế thu nhập cá nhân	830.000	830.000	230.958	27,8%
7	Thuế bảo vệ môi trường	480.000	480.000	73.673	15,3%
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	301.400	301.400	46.158	15,3%
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	178.600	178.600	27.515	15,4%
8	Thu phí và lệ phí	70.000	70.000	27.354	39,1%
	- Trung ương	25.000	25.000	4.556	18,2%
	- Phí và lệ phí địa phương	45.000	45.000	22.798	50,7%
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	26.000	26.000	1.195	4,6%
10	Thu tiền sử dụng đất	1.220.000	1.515.000	548.722	36,2%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	226.000	226.000	18.130	8,0%
12	Thu tiền chuyển quyền khai thác khoáng sản	13.000	13.000	12.958	
13	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS... của NS xã	30.000	30.000	4.377	14,6%
14	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			0	
15	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN			0	

TT	Nội dung	TW giao	ĐP giao	Thực hiện	Tỷ lệ TH/DT ĐP giao
16	Thu khác	130.000	130.000	26.863	20,7%
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	13.000	13.000	2.344	18,0%
II	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu			435.525	
1	Tổng thu từ hoạt động XNK	3.300.000	3.300.000	852.471	25,8%
	<i>Trong đó:</i>				
1,1	Thuế xuất khẩu	13.000	13.000	2.316	17,8%
1,2	Thuế nhập khẩu	324.000	324.000	77.893	24,0%
1,3	Thuế bảo vệ môi trường	3.000	3.000	648	21,6%
1,4	Thuế giá trị gia tăng	2.960.000	2.960.000	769.360	26,0%
2	Hoàn thuế GTGT			-416.945	

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số 28 /STC-QLNS ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN 2019	THỰC HIỆN 2019	Trong đó		
				NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	9.171.417	2.658.420	1.326.255	867.560	464.605
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>28,99%</i>	<i>30,35%</i>	<i>25,30%</i>	<i>38,42%</i>
I	Chi đầu tư phát triển	2.511.402	1.314.613	815.597	207.800	291.216
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>52,35%</i>	<i>48,17%</i>	<i>34,23%</i>	<i>82,45%</i>
II	Chi thường xuyên	6.299.400	1.334.746	508.839	653.416	172.491
	<i>Tỷ lệ thực hiện so dự toán</i>		<i>21,19%</i>	<i>20,22%</i>	<i>23,93%</i>	<i>21,02%</i>
1	Quốc phòng	184.210	64.605	46.200	11.351	7.054
2	An ninh	93.300	9.955	0	1.674	8.281
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	2.270.187	493.798	99.955	391.244	2.599
4	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	30.101	10.412	10.412	0	0
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	396.842	94.832	66.302	26.413	2.117
6	Sự nghiệp văn hoá - thể dục - thể thao	105.116	22.376	9.474	7.350	5.552
7	Sự nghiệp phát thanh - truyền hình	58.396	10.973	8.118	2.076	779
8	Sự nghiệp bảm đảm xã hội	789.951	136.444	43.463	82.300	10.681
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	149.629	40.764	23.281	16.375	1.108
10	Sự nghiệp kinh tế	690.018	126.083	85.944	35.693	4.446
11	Quản lý hành chính nhà nước, đảng, tổ chức chính trị XH, hỗ trợ hội, đoàn thể	1.383.900	309.830	106.184	74.051	129.595
12	Chi khác ngân sách	49.050	14.674	9.506	4.889	279
14	Mục tiêu xã	98.700	0			
III	Chi trả nợ lãi vay do chính quyền địa phương	7.050	1.195	1.195		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0		
V	Dự phòng ngân sách	182.320	0			
VI	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	37.800	0			
VII	Chi bổ sung có mục tiêu các dự án (Vốn nu	19.000	0			
VIII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	52.003	0			
IX	Các nhiệm vụ chi khác	61.442	7.866	624	6.344	898
B	BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	192.950	0			
C	CHI TRẢ NỢ GỐC (NGOÀI CÂN ĐỐI TỪ NGUỒN VƯỢT THU, TIẾT KIỆM	197.950	148.500	148.500		
D	CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	3.223.413	787.336	673.000	114.336	0
1	Bổ sung cân đối	3.124.713	767.739	659.000	108.739	0
2	Bổ sung mục tiêu	98.700	19.597	14.000	5.597	0